

**THÔNG BÁO
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá số 03/HĐ-DVĐGTS ngày 02/6/2025 giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước với Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Xoài.

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước thông báo đấu giá như sau:

1. Tổ chức đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

2. Đơn vị có tài sản đấu giá: Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Xoài.

Địa chỉ: đường 9/6, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

3. Tên tài sản và nơi có tài sản

a) *Tài sản đấu giá:* Quyền sử dụng đất gồm 43 thửa (lô) đất Cụm LK-4 (11 thửa); Cụm BT-5 (10 thửa); Cụm LK-2 (22 thửa) (Có danh sách chi tiết kèm theo)

- Tổng diện tích 43 lô: 5.947,5 m²

- Loại đất: Đất ở đô thị

- Hạ tầng kỹ thuật: Các thửa (lô) đất đấu giá này đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật; Được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Cổng thông tin đấu giá quyền sử dụng đất quốc gia. Hiện trạng: Đất trống, không có tài sản khác gắn liền với đất

b) *Giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:*

- Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất 43 thửa (lô) đất Cụm LK-4; Cụm BT-5; Cụm LK-2, Khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND thành phố Đồng Xoài về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 43 thửa (lô) đất Cụm LK-4, Cụm BT-5 và Cụm LK-2, Khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của UBND thành phố Đồng Xoài về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 43 thửa (lô) đất Cụm LK-4; Cụm BT-5; Cụm LK-2, Khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước



c) *Nơi có tài sản:* Cụm LK-4; Cụm BT-5 và Cụm LK-2, Khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

4. Giá khởi điểm: 69.703.047.000 đồng (Sáu mươi chín tỷ, bảy trăm lẻ ba triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn đồng)

5. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá.

a) *Ngày, giờ bắt đầu bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:* Từ 07 giờ 30 phút ngày **03/6/2025**

b) *Ngày, giờ kết thúc bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:* 17 giờ 00 phút ngày **17/6/2025**

c) *Địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:* Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước - 238 đường Trần Hưng Đạo, P Tân Phú, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

6. Thời gian, địa điểm xem tài sản:

a) *Thời gian xem tài sản:* Từ ngày **03/6/2025** đến ngày **17/6/2025** (Trong giờ hành chính)

b) *Địa điểm xem tài sản:* Tại nơi có tài sản. Khách hàng liên hệ bà Phạm Thị Phương Hằng (SĐT: 0961121345) để được hướng dẫn xem tài sản.

7. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

a) *Thời gian đăng ký:* Từ 07 giờ 30 phút ngày **03/6/2025** đến 17 giờ 00 phút ngày **17/6/2025**

b) *Địa điểm đăng ký:* tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước.

c) *Điều kiện đăng ký:* Mọi cá nhân có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được tham gia đấu giá theo Khoản 4, Điều 38 Luật đấu giá tài sản năm 2016 đều có quyền tham gia đăng ký đấu giá.

- Một người tham gia đấu giá không được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản.

- Một người không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó.

d) *Cách thức đăng ký:*

- Người đăng ký tham gia đấu giá phải trực tiếp đi đăng ký tại địa điểm đăng ký. Nếu người khác đi đăng ký thay phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá bao gồm:

+ Phiếu đăng ký tham gia đấu giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước phát hành.

- Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau: Hộ chiếu/CCCD/Thẻ Căn cước

- Văn bản cam kết xem tài sản.

- Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước theo quy định.

8. Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá:

a) Thời gian tổ chức phiên đấu giá: 08 giờ 30 phút ngày 20/6/2025 (Thứ sáu)

b) Địa điểm tổ chức phiên đấu giá: tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước.

9. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

a) Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: 200.000 đồng/hồ sơ

b) Tiền đặt trước: 20% giá khởi điểm của lô đất

c) Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

- Ngày, giờ bắt đầu nộp tiền đặt trước: 07 giờ 30 phút ngày 03/6/2025

- Ngày, giờ hết hạn nộp tiền đặt trước: 17 giờ 00 phút ngày 17/6/2025

10. Hình thức, phương thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá.

a) Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá.

b) Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

c) Bước giá: 05% giá khởi điểm của từng vòng đấu

d) Số vòng đấu: nhiều vòng cho đến khi không còn người tiếp tục trả giá

11. Việc áp dụng bước giá tại các lần trả giá: Bước giá là mức chênh lệch tối thiểu giữa những lần trả giá sau với lần trả giá trước liền kề. Mức Bước giá được áp dụng cụ thể cho mỗi vòng đấu là: 05%.

12. Cách ghi phiếu trả giá: Tại phiên đấu giá, ở mỗi vòng đấu, khách hàng tham gia đấu giá được 01 phút phiếu trả giá, khách hàng phải ghi đầy đủ thông tin theo mẫu phiếu mà Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước đã phát hành.

- Giá trả bằng số và bằng chữ. Giá trả bằng số và bằng chữ phải khớp với nhau, trường hợp không khớp với nhau thì phiếu trả giá không hợp lệ;

- Trường hợp từ vòng đấu số 2 trở đi, khách hàng không có nhu cầu trả giá thêm thì ghi từ "Rút" vào phần Giá trả của phiếu trả giá.

- Mức trả giá hợp lệ:

+ Giá trả hợp lệ của vòng đấu đầu tiên từ mức trả: Tối thiểu bằng giá khởi điểm

+ Giá trả hợp lệ của vòng đấu tiếp theo từ mức trả: Giá cao nhất đã trả ở vòng đấu giá trước liền kề + Bước giá trở lên.

+ Khách hàng không trả giá ở vòng đấu trước hoặc phiếu trả giá không hợp lệ sẽ không được tham gia trả giá ở vòng tiếp theo.

13. Phiếu trả giá hợp lệ, Phiếu trả giá không hợp lệ:

a) Phiếu trả giá hợp lệ



- Mẫu phiếu trả giá do Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản phát hành hành (Phiếu được in theo mẫu, có đóng dấu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước ở góc bên trái của phiếu). Nếu người tham gia đấu giá sử dụng phiếu khác là không hợp lệ.

- Mức giá trả hợp lệ phải đúng theo mức quy định tại mục 12 của Thông báo này;
- Phiếu trả giá phải ghi đầy đủ nội dung quy định phiếu trả giá;
- Phiếu trả giá có chữ ký và ghi rõ họ tên của người trả giá;
- Số tiền ghi trong phiếu trả giá phải khớp cả về số và chữ, giá phải trả ghi trong phiếu trả giá ít nhất phải bằng giá tối thiểu phải trả hợp lệ tối thiểu tại vòng đấu giá đó;
- Phiếu trả giá được bỏ vào đúng thùng phiếu và đúng thời gian theo quy định.

b) *Phiếu trả giá không hợp lệ*: Trường hợp giá trả không đáp ứng đủ điều kiện điểm a mục 13 Thông báo này thì giá trả được xem như không hợp lệ.

Khách hàng có nhu cầu xin liên hệ tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước - ĐT: 0271.3860216.

Nơi nhận:

- Đăng website;
- Niêm yết;
- Lưu: VT, Hồ sơ.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thiên Long

Stt	Tên tài sản	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Giá khởi điểm (đồng)
	<i>Phạm vi 1</i>	112,8	12.100.000	1.364.880.000	
14	Lô số 18 (thửa số 251)	112,9			1.366.090.000
	<i>Phạm vi 1</i>	112,9	12.100.000	1.366.090.000	
15	Lô số 19 (thửa số 252)	113,0			1.367.300.000
	<i>Phạm vi 1</i>	113,0	12.100.000	1.367.300.000	
16	Lô số 20 (thửa số 249)	113,1			1.368.510.000
	<i>Phạm vi 1</i>	113,1	12.100.000	1.368.510.000	
17	Lô số 21 (thửa số 248)	113,2			1.369.720.000
	<i>Phạm vi 1</i>	113,2	12.100.000	1.369.720.000	
18	Lô số 22 (thửa số 247, hai mặt tiền)	116,8			1.695.936.000
	<i>Phạm vi 1</i>	116,8	14.520.000	1.695.936.000	
Cụm LK-2 (từ lô số 23 đến lô số 26): Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất):					
19	Lô số 23 (thửa số 246)	115,0			1.115.500.000
	<i>Phạm vi 1</i>	115,0	9.700.000	1.115.500.000	
20	Lô số 24 (thửa số 245)	115,0			1.115.500.000
	<i>Phạm vi 1</i>	115,0	9.700.000	1.115.500.000	
21	Lô số 25 (thửa số 244)	115,0			1.115.500.000
	<i>Phạm vi 1</i>	115,0	9.700.000	1.115.500.000	
22	Lô số 26 (thửa số 243)	115,0			1.115.500.000
	<i>Phạm vi 1</i>	115,0	9.700.000	1.115.500.000	
Tổng cộng:		5.947,5			69.703.047.000
Bảng chữ: Sáu mươi chín tỷ, bảy trăm lẻ ba triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng.					

Stt	Tên tài sản	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Giá khởi điểm (đồng)
III. Cụm LK-2 (từ bản đồ số 18)					
Cụm LK-2 (từ lô số 5 đến lô số 8): Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương:					
1	Lô số 5 (thửa số 264)	137,5			1.897.500.000
	<i>Phạm vi 1</i>	<i>137,5</i>	13.800.000	1.897.500.000	
2	Lô số 6 (thửa số 263)	137,1			1.891.980.000
	<i>Phạm vi 1</i>	<i>137,1</i>	13.800.000	1.891.980.000	
3	Lô số 7 (thửa số 261)	136,8			1.887.840.000
	<i>Phạm vi 1</i>	<i>136,8</i>	13.800.000	1.887.840.000	
4	Lô số 8 (thửa số 260, hai mặt tiền)	143,1			2.369.736.000
	<i>Phạm vi 1</i>	<i>143,1</i>	16.560.000	2.369.736.000	
Cụm LK-2 (từ lô số 9 đến lô số 22): Đường D5, D7A khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (Toàn tuyến):					
5	Lô số 9 (thửa số 262)	111,8			1.352.780.000
	<i>Phạm vi 1</i>	<i>111,8</i>	12.100.000	1.352.780.000	
6	Lô số 10 (thửa số 257)	112,0			1.355.200.000
	<i>Phạm vi 1</i>	<i>112,0</i>	12.100.000	1.355.200.000	
7	Lô số 11 (thửa số 258)	112,1			1.356.410.000
	<i>Phạm vi 1</i>	<i>112,1</i>	12.100.000	1.356.410.000	
8	Lô số 12 (thửa số 259)	112,2			1.357.620.000
	<i>Phạm vi 1</i>	<i>112,2</i>	12.100.000	1.357.620.000	
9	Lô số 13 (thửa số 256)	112,3			1.358.830.000
	<i>Phạm vi 1</i>	<i>112,3</i>	12.100.000	1.358.830.000	
10	Lô số 14 (thửa số 255)	112,4			1.360.040.000
	<i>Phạm vi 1</i>	<i>112,4</i>	12.100.000	1.360.040.000	
11	Lô số 15 (thửa số 254)	112,5			1.361.250.000
	<i>Phạm vi 1</i>	<i>112,5</i>	12.100.000	1.361.250.000	
12	Lô số 16 (thửa số 253)	112,7			1.363.670.000
	<i>Phạm vi 1</i>	<i>112,7</i>	12.100.000	1.363.670.000	
13	Lô số 17 (thửa số 250)	112,8			1.364.880.000

Stt	Tên tài sản	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Giá khởi điểm (đồng)
9	Lô số 28 (thửa số 221)	124,9			1.186.550.000
	<i>Phạm vi 1</i>	124,9	9.500.000	1.186.550.000	
10	Lô số 29 (thửa số 220)	124,8			1.185.600.000
	<i>Phạm vi 1</i>	124,8	9.500.000	1.185.600.000	
11	Lô số 30 (thửa số 225)	124,8			1.185.600.000
	<i>Phạm vi 1</i>	124,8	9.500.000	1.185.600.000	

II. Cụm BT-5 (tờ bản đồ số 18)

Cụm BT-5 (từ lô số 1 đến lô số 7): Đường D5, D7A khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (Toàn tuyến):

1	Lô số 1 (thửa số 240, hai mặt tiền)	168,0			2.439.360.000
	<i>Phạm vi 1</i>	168,0	14.520.000	2.439.360.000	
2	Lô số 2 (thửa số 239)	176,0			2.129.600.000
	<i>Phạm vi 1</i>	176,0	12.100.000	2.129.600.000	
3	Lô số 3 (thửa số 237)	176,0			2.129.600.000
	<i>Phạm vi 1</i>	176,0	12.100.000	2.129.600.000	
4	Lô số 4 (thửa số 238)	176,0			2.129.600.000
	<i>Phạm vi 1</i>	176,0	12.100.000	2.129.600.000	
5	Lô số 5 (thửa số 235)	176,0			2.129.600.000
	<i>Phạm vi 1</i>	176,0	12.100.000	2.129.600.000	
6	Lô số 6 (thửa số 236)	261,3			3.147.815.000
	<i>Phạm vi 1</i>	259,0	12.100.000	3.133.900.000	
	<i>Phạm vi 2</i>	2,3	6.050.000	13.915.000	
7	Lô số 7 (thửa số 234, hai mặt tiền)	167,0			2.424.840.000
	<i>Phạm vi 1</i>	167,0	14.520.000	2.424.840.000	

Cụm BT-5 (từ lô số 8 đến lô số 10): Đường N2 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (toàn tuyến):

8	Lô số 8 (thửa số 233)	188,1			1.786.950.000
	<i>Phạm vi 1</i>	188,1	9.500.000	1.786.950.000	
9	Lô số 9 (thửa số 232)	194,3			1.845.850.000
	<i>Phạm vi 1</i>	194,3	9.500.000	1.845.850.000	
10	Lô số 10 (thửa số 231)	268,9			2.554.550.000
	<i>Phạm vi 1</i>	268,9	9.500.000	2.554.550.000	

**DANH SÁCH 43 THỬA KHU DÂN CƯ PHÚ THỊNH,
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Stt	Tên tài sản	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Giá khởi điểm (đồng)
I. Cụm LK-4 (từ bản đồ số 18)					
Cụm LK-4 (từ lô số 1 đến lô số 5): Đường D5, D7A khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (Toàn tuyến):					
1	Lô số 1 (thửa số 230, hai mặt tiền)	121,6			1.724.250.000
	Phạm vi 1	115,9	14.520.000	1.682.868.000	
	Phạm vi 2	5,7	7.260.000	41.382.000	
2	Lô số 2 (thửa số 226)	131,6			1.552.430.000
	Phạm vi 1	125	12.100.000	1.512.500.000	
	Phạm vi 2	6,6	6.050.000	39.930.000	
3	Lô số 3 (thửa số 227)	132,3			1.556.665.000
	Phạm vi 1	125	12.100.000	1.512.500.000	
	Phạm vi 2	7,3	6.050.000	44.165.000	
4	Lô số 4 (thửa số 228)	133,1			1.561.505.000
	Phạm vi 1	125	12.100.000	1.512.500.000	
	Phạm vi 2	8,1	6.050.000	49.005.000	
5	Lô số 5 (thửa số 229)	133,8			1.565.740.000
	Phạm vi 1	125	12.100.000	1.512.500.000	
	Phạm vi 2	8,8	6.050.000	53.240.000	
Cụm LK-4 (từ lô số 25 đến lô số 30): Đường N2 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (Toàn tuyến):					
6	Lô số 25 (thửa số 224)	124,9			1.186.550.000
	Phạm vi 1	124,9	9.500.000	1.186.550.000	
7	Lô số 26 (thửa số 223)	124,9			1.186.550.000
	Phạm vi 1	124,9	9.500.000	1.186.550.000	
8	Lô số 27 (thửa số 222)	124,9			1.186.550.000
	Phạm vi 1	124,9	9.500.000	1.186.550.000	